TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 12 - 2022
"V/v trH chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn ThH;

- Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "*TrH chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp M, Qện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Vân H, sinh năm 1989, nơi cư trú: Khóm V, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông X, bà H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X trình bày:

Ông X và bà Vân H được sự mai mối và qua thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã (nay là thành phố) X, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 167/HT ngày 18 tháng 6 năm 2010). Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau, vợ chồng thường xuyên bất hòa, vợ chồng không hạnh phúc. Ông nhận thấy việc sống chung không thể kéo dài, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Vân H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014. Ông X yêu cầu được nuôi cả hai con hoặc nuôi một trong hai con. Nếu chỉ được nuôi một con, ông đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng cho bà Vân nuôi con.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H có tài sản chung là thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 145563, số vào sổ CH04019, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 74, diện tích 139,5m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 17/11/2011 cho ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Vân H. Tài sản này ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Vân H trình bày: Thống nhất với ông X về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không thể hàn gắn, nên bà Vân H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông X.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014. Hai con chung sống với bà từ khi mới sinh đến nay, hiện 2 con đang học tập ổn định tại các trường ở X. Bà không đồng ý yêu cầu nuôi con của ông X, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung đến khi thành niên, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân, con chung, nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1 Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật trH chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Năm 2010 ông X và bà Vân H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống ông X và bà H sinh được hai con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông X yêu cầu ly hôn với Vân H. Bị đơn bà Vân H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với ông X.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống ông X, bà Vân H thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, hiện không còn sống chung với nhau. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết cả hai thống nhất đồng ý ly hôn, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông X yêu cầu ly hôn với bà Vân H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014, từ nhỏ đã sống cùng bà Vân H, ông X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy hai con chung hoặc nuôi một trong hai và cấp dưỡng cho đứa con còn lại 6.000.000 đồng/ tháng. Bà H cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con, theo bà Vân H, con từ nhỏ do bà trực tiếp chăm sóc, điều kiện kinh tế bà ổn định khoảng trên 70.000.000 đồng/ tháng, bên cạnh còn có sự hỗ trợ của cha mẹ ruột bà, để tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho con bà yêu cầu giao hai con chung cho bà nuôi dạy phù hợp với nguyện vọng hai cháu. Xét, cả hai cháu Q và K từ nhỏ đã sống cùng bà H, về điều kiện kinh tế, thu nhập bà H ổn định, cả Q và K đều có nguyện vọng sống cùng bà H. Do đó, việc giao hai con chung cho bà H tiếp tục nuôi dạy, là đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con về vật chất lẫn tin thần, phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con. Công nhận sự tự nguyện của bà Vân H về việc không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Vân H. Giao hai con chung cho bà Vân H tiếp tục nuôi dạy, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét, đây là trH chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông X và bà Vân H có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167/HT ngày 18 tháng 6 năm 2010 do UBND phường T lập), nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông X yêu cầu ly hôn với bà Vân H; bà Vân H đồng ý ly hôn, do đó công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Vân H.

[2] Về con chung:

Ông X và bà H thống nhất vợ chồng có hai con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014. Ông X và bà Vân H đều có yêu cầu được nuôi hai con chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2022, Nguyễn Minh Q và Nguyễn Minh K đều có nguyện vọng được bà Vân H nuôi dạy.

Xét thấy, qua chứng cứ ông X và bà Vân H cung cấp thì cả hai có đủ điều kiện kinh tế nuôi dạy hai con chung, tuy nhiên Q và K được bà Vân H chăm sóc từ nhỏ, hiện đang học tập ổn định, đồng thời hai cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (Vân H). Do đó, để ổn định cuộc sống cho 02 cháu nên giao Q và K cho bà Vân H tiếp tục nuôi dạy, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Vân H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung:* Ông X, bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông X, bà H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Giấy chứng nhận kết hôn số 167/HT ngày 18 tháng 6 năm 2010 của UBND phường T không còn giá trị pháp lý.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

- Ông X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Ông X đã nộp đủ án phí.

- Bà Vân H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Vân H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Vân H được quyền nuôi dạy Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2014 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông X không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Vân H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0002786 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; ông X đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Vân H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông X, bà Vân H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Thị Châu Ngọc